

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Hợi

Ông Đ Văn Sơn

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2024/TLST-DS ngày 4 tháng 10 năm 2024;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết vụ án và việc thỏa Tận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự Tận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Vũ Thanh L**, sinh năm 1968; CCCD số: 27068001223 ngày cấp: 04/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Địa chỉ: K TS, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

* Bị đơn: Ông **Vũ Kim Đ**; sinh năm 1971;

Địa chỉ: K TS, Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: K TS, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

2. Bà **Vũ Thị Th**, sinh năm 1950

Địa chỉ: K 3, Thị Cầu, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

3. Bà **Vũ Thị B**, sinh năm 1956

Địa chỉ: K TS, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

4. Ông **Vũ Huy P**, sinh năm 1958

Địa chỉ: K TS, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Ông Vũ Huy P ủy quyền cho ông Vũ Mạnh K.

5. Bà **Vũ Thị S**; Sinh năm 1960

Địa chỉ cư trú: Thôn Mai Vũ, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh.

6. Bà **Vũ Thị X**, sinh năm 1964

Địa chỉ: K Phương Vỹ, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

7. Ông **Vũ Mạnh K**, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: K 2, Thị Cầu, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

8. Ông **Vũ Xuân C**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: K TS, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

9. Chị **Vũ Thị D**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Đạo Chân, Kim Chân, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

10. Bà **Đ Thị T** (đã chết);

Địa chỉ: K 2, Thị Cầu, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đ Thị T: Ông Vũ Kim Đ, ông Vũ Mạnh K, ông Vũ Xuân C, bà Vũ Thị D.

11. Ông **Vũ Văn Kiểm**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: K TS, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

12. Bà **Vũ Thị Hồng Huyết**; Sinh năm 1989;

Địa chỉ: K TS, phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Thanh L, bà Nguyễn Thị T, bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị X, ông Vũ Văn Kiểm, bà Vũ Thị Hồng Huyết: Công ty Luật TNHH Dân Trí. Địa chỉ: số 48 đường Lê Văn Thịnh, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Luật sư **Nguyễn Chí Dương** - Giám đốc.

2. Sự thoả Tận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản thừa kế:

Di sản thừa kế của cụ Vũ Văn H (Vũ Phúc H), cụ Nguyễn Thị H là phần diện tích 170m² đất nông nghiệp bị T hời của cụ H, cụ H, đã được ông Vũ Thanh L, bà Nguyễn Thị T làm thủ tục và đóng các loại Tê, phí để được cấp lô đất giãn dân Tộc thửa đất số 67 tờ bản đồ số 37, tại địa chỉ đường Nguyễn Đăng Tuyển, K TS, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Nay là đường Nguyễn Đăng Tuyển, K TS, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh). Tính theo tỷ lệ quy đổi, 1.350m² đất trồng lúa bị T hời được cấp 74m² đất ở dịch vụ thì phần diện tích 170m² đất nông nghiệp của cụ H, cụ H bị T hời tương ứng với khoảng 9,31m² đất ở dịch vụ trong lô đất được cấp.

Do đó, di sản thừa kế của cụ H, cụ H để lại là 9,31 m² đất ở, Tộc số 67 tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại K TS, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Các đồng thừa kế thống nhất chia theo quy định pháp luật.

2.2. Về diện và hàng thừa kế:

2.2.1. Cụ Vũ Phúc H (tên gọi khác Vũ Văn H), sinh năm 1930, mất năm 2015 và cụ Nguyễn Thị H sinh năm 1926, mất năm 2012, cùng trú tại K TS, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh sinh được 08 người con, gồm:

1. Vũ Kim Tôn, sinh năm 1948 (mất ngày 17/02/2019); vợ là Đ Thị T, sinh năm 1949 (mất ngày 14/5/2025), có 04 người con: Vũ Kim Đ, sinh năm 1971 (con

riêng của ông Tôn), Vũ Mạnh K, sinh năm 1978; Vũ Xuân C, sinh năm 1981; Vũ Thị Diệp, sinh năm 1983

2. Vũ Kim Th, sinh năm 1950;

3. Vũ Thị B, sinh năm 1956;

4. Vũ Huy P, sinh năm 1958;

5. Vũ Thị S, sinh năm 1960;

6. Vũ Thị X, sinh năm 1964;

7. Vũ Lương Giới, sinh năm 1966 (mất ngày 30/6/2009); vợ là Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1968, có 02 người con là: Vũ Văn Kiêm, sinh năm 1992; Vũ Thị Huyết, sinh năm 1989.

8. Vũ Thanh L, sinh năm 1968

Ngoài 08 người con chung, cụ H và cụ H không có con riêng, con nuôi nào khác.

2.2.2. Cụ H mất năm 2012, cụ H mất năm 2015, khi chết không để lại di chúc. Ông Vũ Văn Giới chết năm 2009 (chết trước cụ H, cụ H). Ông Giới có 02 con là anh Vũ Văn Kiêm, chị Vũ Thị Huyết, ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác. Do đó, chị Vũ Thị Huyết và anh Vũ Văn Kiêm được hưởng thừa kế thế vị phần di sản mà ông Giới đáng lẽ được hưởng của cụ H, cụ H nếu còn sống.

Cụ H mất năm 2012. Thời điểm mở thừa kế vào năm 2012. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm cụ H và 07 con còn sống tại thời điểm mở thừa kế gồm ông Tôn, bà S, bà X, bà Th, bà B, ông P, ông L. Chị Huyết, anh Kiêm hưởng thừa kế thế vị từ ông Giới.

Cụ H mất năm 2015. Thời điểm mở thừa kế vào năm 2015. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm 07 con còn sống tại thời điểm mở thừa kế gồm ông Tôn, bà S, bà X, bà Th, bà B, ông P, ông L. Chị Huyết, anh Kiêm hưởng thừa kế thế vị từ ông Giới.

Các bên xác nhận và thống nhất ghi nhận công X của ông Vũ Thanh L cùng vợ là bà Nguyễn Thị T. Ông L đã ghép 1.180m² đất nông nghiệp của gia đình mình với 170m² đất của cụ H, cụ H để đủ điều kiện nhận suất đất dịch vụ, đồng thời còn đứng ra nộp Tế đất, Tế trước bạ và quản lý, sử dụng ổn định phần đất này từ năm 2018 đến nay nên đồng ý trích một phần công X đóng góp, duy trì, phát triển thửa đất tương ứng với 01 kỷ phần của cụ H, 01 kỷ phần của cụ H cho ông L.

2.3. Phân chia di sản:

- Phân chia di sản của cụ Nguyễn Thị H:

Cụ H mất năm 2012. Thời điểm mở thừa kế vào năm 2012. Di sản thừa kế của cụ H, cụ H (trong vụ án này) là 170m² đất ruộng, tương ứng 9,31m² đất ở tại thửa số 67, tờ bản đồ số 37 là tài sản chung của hai cụ. Do vậy di sản thừa kế của cụ H là $\frac{1}{2} \times 170\text{m}^2$ đất ruộng = 85m² đất ruộng.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm cụ H và 07 con còn sống tại thời điểm mở thừa kế gồm ông Tôn, bà S, bà X, bà Th, bà B, ông P, ông L; 01 kỷ phần thừa kế của chị Huyết, anh Kiềm (thế vị từ ông Giới) và 01 kỷ phần công X của ông L. Như vậy, di sản của cụ H được chia làm **10 kỷ phần** bằng nhau, mỗi kỷ phần là: $85\text{m}^2 : 10 \text{ kỷ phần} = 8,5\text{m}^2$ đất ruộng.

Như vậy, cụ H, ông Tôn, bà S, bà X, bà Th, bà B, ông P mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của cụ H là $8,5\text{m}^2$ đất ruộng. Ông L được hưởng 02 kỷ phần là 17m^2 đất ruộng. Anh Kiềm, chị Huyết được hưởng 1 kỷ phần là $8,5\text{m}^2$ đất ruộng.

- Phân chia di sản của cụ Vũ Văn H (Vũ Phúc H):

Cụ H mất năm 2015. Thời điểm mở thừa kế vào năm 2015. Di sản thừa kế của cụ H gồm 85m^2 đất ruộng (là $\frac{1}{2}$ tài sản chung của cụ H, cụ H) và $8,5\text{m}^2$ đất ruộng được hưởng thừa kế từ cụ H. Như vậy di sản thừa kế của cụ H là $85\text{m}^2 + 8,5\text{m}^2 = 93,5\text{m}^2$ đất ruộng.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm 07 con còn sống tại thời điểm mở thừa kế gồm ông Tôn, bà S, bà X, bà Th, bà B, ông P, ông L; 01 kỷ phần thừa kế của chị Huyết, anh Kiềm (thế vị từ ông Giới) và 01 kỷ phần công X của ông L. Như vậy, di sản của cụ H được chia làm **09 kỷ phần** bằng nhau, mỗi kỷ phần là: $93,5\text{m}^2 : 09 \text{ kỷ phần} = 10,4\text{m}^2$ đất ruộng.

Như vậy, ông Tôn, bà S, bà X, bà Th, bà B, ông P mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của cụ H là $10,4\text{m}^2$ đất ruộng. Ông L được hưởng 02 kỷ phần là $20,8\text{m}^2$ đất ruộng. Anh Kiềm và chị Huyết được hưởng 1 kỷ phần là $10,4\text{m}^2$ đất ruộng.

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 198/2025/2505037/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 13/5/2025, 01 m² đất tại thửa số 67, tờ bản đồ số 37 có giá trị 56.748.000 đồng.

Như vậy, các đồng thừa kế được hưởng di sản của của cụ H, cụ H như sau:

+ Ông Tôn, bà S, bà X, bà Th, bà B, ông P mỗi người được hưởng: $8,5\text{m}^2$ đất ruộng + $10,4\text{m}^2$ đất ruộng = $18,9\text{m}^2$ đất ruộng (tương ứng 1,03 m² đất ở) = 58.702.000 đồng

+ Anh Kiềm, chị Huyết được hưởng: $8,5\text{m}^2$ đất ruộng + $10,4\text{m}^2$ đất ruộng = $18,9\text{m}^2$ đất ruộng (tương ứng 1,03 m² đất ở) = 58.702.000 đồng

+ Ông L được hưởng: 17m^2 đất ruộng + $20,8\text{m}^2$ đất ruộng = $37,8\text{m}^2$ đất ruộng (tương ứng 2,06 m² đất ở) = 117.404.000 đồng.

Các đương sự thống nhất làm tròn số mỗi kỷ phần tương ứng khoảng 1,03m² đất ở, trị giá là **60.000.000** đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Kim Th, bà Vũ Thị X, bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị B, anh Vũ Văn Kiểm, chị Vũ Thị Huyét về việc giao lại kỹ phần thừa kế được hưởng cho ông L. Như vậy ông L được hưởng 07 kỹ phần thừa kế.

Do đó:

1 - Giao ông Vũ Thanh L quản lý, sử dụng toàn bộ di sản thừa kế là 9,31m² đất nằm trong thửa đất số 67, tờ bản đồ số 37, diện tích 74m², địa chỉ ở đường Trần Đăng Tuyển, K TS, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2 - Ông L có trách nhiệm trích trả: Cho ông Vũ Huy P **60.000.000** đồng; trích trả cho anh Vũ Kim Đ, anh Vũ Mạnh K, anh Vũ Xuân C, chị Vũ Thị D mỗi người 60.000.000 đồng : 4 = **15.000.000** đồng

3 - Ông Vũ Thanh L có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các nghĩa vụ tài chính, đăng ký biến động/làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

4 - Về án phí và chi phí tố tụng:

- Chi phí tố tụng: Ông Đ Thanh L tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Về án phí:

+ Ông Vũ Huy P, Vũ Kim Th, bà Vũ Thị X, bà Vũ Thị S, bà Vũ Thị B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

+ Vũ Kim Đ phải nộp 750.000 đồng; anh Vũ Mạnh K phải nộp 750.000 đồng, anh Vũ Xuân C phải nộp 750.000 đồng, chị Vũ Thị D phải nộp 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

+ Anh Vũ Văn Kiểm, chị Vũ Thị Huyét phải nộp 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông Đ Thanh L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được chia là 5.879.100 đồng. Ông L tự nguyện nộp tiền án phí thay cho anh Kiểm và chị Huyét. Do đó, ông L phải nộp tổng cộng 6.629.000 đồng (làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 308.000 đồng ông L đã nộp; theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí lệ phí ký hiệu BLTU/23, số 0000992 ngày 4/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự K vực 6- Bắc Ninh). Ông L còn phải nộp **6.321.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

** Quy định chung:*

Trường H người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND KV6- Bắc Ninh
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS KV6- Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Lệ

